

Số: 611/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

### CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thụ lý số: 594/2022/TB-TL ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu:**

- Anh N N H; Sinh năm: 1979.

- Chị N T H; Sinh năm: 1990.

HKTT và cư trú: phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh N N H và chị N T H kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 05 tháng 4 năm 2010 tại UBND xã Quang Thiện, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2015 đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, mâu thuẫn gay gắt làm cho cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, không sống cùng nhau được nữa. Anh chị đã tìm cách tháo gỡ nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không được cải thiện, không còn tiếng nói chung, tình cảm không còn. Anh chị cùng đề nghị được Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh N N H và chị N T H xác nhận 02 con chung là cháu N A N, sinh ngày 16/02/2011 và cháu N L C, sinh ngày 25/04/2014. Hai bên đã thỏa thuận sau khi ly hôn chị N T H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N N H.

[3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh N N H và chị N T H không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Anh N N H và chị N T H xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh N N H và chị N T H tự nguyện nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh N N H và chị N T H thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh N N H và chị N T H xác nhận 02 con chung là cháu N A N , sinh ngày 16/02/2011 và cháu N L C , sinh ngày 25/04/2014. Ly hôn giao con chung là cháu N A N và N L C cho chị N T H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh N N H cho đến khi con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh N N H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

- **Về tài sản chung (động sản và bất động sản):** Anh N N H và chị N T H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- **Về nợ chung:** Anh N N H và chị N T H không có nợ chung, nên Tòa không xét.

- **Về án phí:** Anh N N H và chị N T H mỗi người phải nộp 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh chị đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0008308 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- **Về những vấn đề khác:** Anh N N H và chị N T H không có yêu cầu gì khác.

**2.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THA dân sự quận Thanh Xuân;
- UBND xã Quang Thiện, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình (ĐKKH số 354, quyền số 02);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN**

**Thẩm phán**

**Đinh Thị Kiều My**